

KẾ HOẠCH
triển khai thực hiện Chuyển đổi số trong
các cơ quan Đảng xã Hà Long

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Đảng ủy xã Hà Long xây dựng Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng (gọi tắt là Quyết định số 204-QĐ/TW), nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về tính cấp thiết và vai trò của chuyển đổi số nhằm đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, thực chất, nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan Đảng.

2. Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Quyết định số 204-QĐ/TW, gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; xây dựng kế hoạch, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp khả thi, hiệu quả và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

3. Việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng phải được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, thiết thực, hiệu quả từ xã đến cơ sở; đề cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong triển khai tổ chức thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp

đã đề ra tại Đề án về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng nhằm đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phong cách công tác, lề lối làm việc hiệu quả, giảm thời gian giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, góp phần quan trọng vào cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan Đảng. Tổ chức hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số đồng bộ, hiện đại; tăng cường năng lực, tái cấu trúc hạ tầng kỹ thuật và tổ chức, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu theo kiến trúc thống nhất, tập trung; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan Đảng từ xã đến cơ sở.

- Tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan Đảng từ Trung ương đến cơ sở; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng với các cơ quan nhà nước và Mặt trận Tổ quốc.

- Phát huy hiệu quả hạ tầng, ứng dụng công nghệ đã đầu tư, các nền tảng, ứng dụng đã triển khai; bảo đảm tính liên thông, tích hợp giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong các cơ quan Đảng với các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã, tỉnh với các cơ quan Trung ương.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn lực để triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật và xác thực thông tin theo quy định của pháp luật; phù hợp với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể đối với chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng trong giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2028 như sau:

2.1. Đối với hạ tầng số

a) Năm 2025

- Đầu tư các trang thiết bị, triển khai các giải pháp bảo mật cho hệ thống mạng CNTT; bổ sung các chức năng chia sẻ, kết nối của phần mềm thông tin điều hành tác nghiệp. Bảo đảm đường truyền kết nối từ xã đến cấp Tỉnh, Trung ương, cơ bản đáp ứng nhu cầu, kết nối liên thông cơ quan Đảng với cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; kết nối Internet có kiểm soát.

- Bổ sung, nâng cấp trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho người dùng đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chuyên môn; 40% cơ quan Đảng được trang bị các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; 100% tổ chức, cá nhân, cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Đảng có trách nhiệm xử lý văn bản trên môi trường mạng được trang bị chữ ký số theo quy định.

b) Năm 2026

- Kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên

dùng với băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối các cơ quan Đảng từ cấp xã tới Tỉnh, Trung ương; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, kết nối Internet có kiểm soát.

- Hoàn thành tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin sang hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định; hoàn tất việc chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin hiện tại của các cơ quan Đảng sang hạ tầng số bảo đảm an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Trang cấp các thiết bị đầu cuối cho người dùng của các cơ quan Đảng theo lộ trình của Đề án: 60% cơ quan Đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

c) Năm 2027

Trang cấp thiết bị đầu cuối cho người dùng của các cơ quan Đảng theo lộ trình của Đề án: 100% cơ quan Đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

2.2. Đối với ứng dụng số

a) Năm 2025

- Phối hợp với các đơn vị đưa vào sử dụng các ứng dụng số phục vụ Đại hội Đảng.

- Nâng cấp, chuẩn hóa các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu đang sử dụng tại các cơ quan Đảng để có thể kết nối, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu từ mạng thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng đến mạng thông tin diện rộng các cơ quan Đảng do Tỉnh ủy triển khai.

- Tiếp nhận các phần mềm ứng dụng đặc thù do các ban, ngành cấp Tỉnh thiết kế, đưa vào sử dụng như: Phát triển các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu số trong lĩnh vực nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp; hệ thống thông tin phục vụ công tác nghiệp vụ ngành Tổ chức xây dựng Đảng có tính chất đặc thù, quản lý tỉnh Thanh Hóa; phát triển Trang thông tin điện tử Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác thông tin tuyên truyền.

b) Năm 2026

- Tiếp nhận các phần mềm, nền tảng, ứng dụng số do Trung ương chuyển giao để cài đặt, triển khai cho các cơ quan Đảng.

- Tiếp nhận, sử dụng các phần mềm ứng dụng đặc thù được triển khai năm 2025 tại các cơ quan theo kế hoạch của Tỉnh.

c) Năm 2027

- Đưa vào sử dụng 100% ứng dụng số sử dụng trong các cơ quan Đảng do Tỉnh ủy triển khai.

- Tiếp tục tiếp nhận, sử dụng các phần mềm đặc thù của các ban, ngành cấp tỉnh đã được triển khai từ năm 2025.

2.3. Đối với dữ liệu số

a) Năm 2025

- 30% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan Đảng trong xã được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 30% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

- 30% các vụ việc, khiếu nại tố cáo, dấu hiệu vi phạm của cán bộ, công chức, Đảng viên được quản lý trên môi trường số.

- 100% người sử dụng truy cập vào hệ sinh thái các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Đảng do Tỉnh chuyển giao có định danh số và xác thực tập trung, thống nhất.

- 70% các yêu cầu thông tin, số liệu về kinh tế - xã hội phục vụ công tác tham mưu, thẩm định được thực hiện tổng hợp, phân tích và khai thác qua môi trường số.

- 80% nội dung công tác tuyên giáo và dân vận được số hoá và thực hiện trên môi trường số; thông tin, dữ liệu, văn bản về các lĩnh vực trong công tác tuyên giáo và dân vận được cung cấp chính thức, kịp thời.

- 100% văn bản không mật được ký số, gửi, nhận, xử lý trên môi trường số và có thể xử lý trên thiết bị di động, mọi lúc, mọi nơi.

b) Năm 2026

- 70% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan Đảng được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 60% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

- 100% nội dung công tác tuyên giáo và dân vận được số hoá và thực hiện trên môi trường số; thông tin, dữ liệu, văn bản về các lĩnh vực trong công tác tuyên giáo và dân vận được cung cấp chính thức, kịp thời.

- 90% đơn, thư, khiếu nại tố cáo được thực hiện trên môi trường số.

- 100% công tác tổng hợp, báo cáo được thực hiện trên môi trường số.

- 100% hồ sơ, tài liệu không mật, hướng tới tất cả các tài liệu mật, tối mật của Đảng được số hoá và quản lý, sử dụng trên môi trường số.

c) Năm 2027

- 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan Đảng trong huyện được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% hệ thống thông tin trên toàn hệ thống phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị của Đảng được xây dựng, cập nhật dữ liệu thường xuyên và có thể kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- 100% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

- 100% nội dung công tác tuyên giáo và dân vận được số hoá và thực hiện trên môi trường số; thông tin, dữ liệu, văn bản về các lĩnh vực trong công tác tuyên giáo và dân vận được cung cấp chính thức, kịp thời.

- 100% các vụ việc, khiếu nại, tố cáo, dấu hiệu vi phạm của cán bộ, công chức, Đảng viên được quản lý trên môi trường số.

- 100% thông tin về sức khoẻ của cán bộ được số hoá và quản lý, sử dụng

trên môi trường số.

2.4. Công tác nghiệp vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện trên môi trường số

Đáp ứng yêu cầu nắm bắt tình hình Nhân dân; hỗ trợ công tác giám sát; đánh giá sự hài lòng của người dân; hỗ trợ các hoạt động cứu trợ, an sinh xã hội; tăng cường tương tác, nâng cao hiệu quả hoạt động tập hợp Nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tạo đồng thuận xã hội; tăng cường giám sát, phản biện xã hội...

2.5. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng

Triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách ưu đãi nhân tài, tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, khai thác và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu về sự cần thiết, tính cấp thiết và vai trò của chuyển đổi số.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, Đảng viên các cơ quan Đảng về xu hướng chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay, nhằm tăng hiệu quả xử lý công việc, xây dựng văn hoá làm việc trên môi trường số của các cơ quan Đảng.
- Triển khai các giải pháp truyền thông, các công cụ hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tiếp cận, sử dụng các hệ thống nghiệp vụ trên môi trường số.

2. Thực hiện cơ chế, chính sách, quy chế, quy định

- Rà soát thực hiện đầy đủ quy chế, quy định về chuyển đổi số, đổi mới mô hình, quy trình nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan Đảng; cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan Đảng với các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu; ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về gửi, nhận, xử lý văn bản trong các cơ quan Đảng trên môi trường số, tiến tới mô hình văn phòng không giấy; đơn giản hoá thủ tục hành chính trong Đảng, nâng cao hiệu quả xử lý và giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng.
- Triển khai các văn bản về phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, nhà nước.

3. Phát triển hạ tầng số

- Phát triển, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan Đảng một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả. Bảo đảm hạ tầng kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng từ cấp xã tới Trung ương với tốc độ cao, an toàn, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn xã; triển khai hạ tầng kết nối mạng Internet có kiểm soát.

- Đầu tư, mở rộng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật mạng máy tính của cơ quan Đảng, bảo đảm hệ thống mạng thông suốt, ổn định, an toàn; trang cấp đầy đủ, kịp thời các thiết bị đầu cuối, các giải pháp bảo mật, an toàn dữ liệu, thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các cơ quan Đảng.

4. Phát triển nền tảng số, ứng dụng số

- Thống nhất sử dụng các phần mềm, ứng dụng số hiện có của Tỉnh ủy và các phần mềm do Trung ương xây dựng để triển khai tại các cơ quan Đảng, hướng đến văn phòng không giấy tờ, làm việc trên môi trường số.

- Sử dụng có hiệu quả các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số có tính chất đặc thù giai đoạn 2025-2028, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy Đảng.

- Đảm bảo các hệ thống thông tin có tính liên thông, tương tác, hỗ trợ hiệu quả công tác tham mưu, thông tin tổng hợp, góp phần cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, đổi mới phương thức, lề lối làm việc theo hướng hiện đại trên cơ sở thừa kế và phát huy kết quả đạt được từ việc triển khai từ các dự án liên quan trước đó, tuân thủ kiến trúc chuyển đổi số thống nhất trong các cơ quan Đảng.

- Phát triển, nâng cấp, triển khai các ứng dụng số phù hợp với định hướng triển khai hỗ trợ cho các thiết bị di động thông minh, truy cập khai thác qua một công thông tin.

5. Phát triển dữ liệu số dùng chung

- Rà soát, đánh giá, làm sạch dữ liệu đã được số hoá và đưa vào sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan Đảng; từng bước kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia, các ban, ngành, đoàn thể thu thập thông tin, dữ liệu về kho dữ liệu dùng chung và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động và công tác chuyên môn.

- Chuẩn hoá các dữ liệu đã được số hoá, nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu số tại các cơ quan Đảng trong xã để quản lý, khai thác tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ của Đảng bộ, nhằm trao đổi văn bản điện tử trên mạng máy tính; xây dựng các kho dữ liệu khai thác sử dụng chung; trao đổi, khai thác dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin của các cơ quan khối chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, từng bước chuyển đổi số các hoạt động nghiệp vụ.

- Triển khai các cơ sở dữ liệu, danh mục dùng chung phục vụ việc tích hợp, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các ứng dụng như: Dữ liệu người dùng tập trung, cơ

sở dữ liệu mã định danh các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ sở dữ liệu tài liệu số hoá; các danh mục dùng chung khác.

6. Tiếp nhận, chuyển giao các phần mềm hệ thống thông tin, dịch vụ dùng chung, các ứng dụng nội bộ và xây dựng, nâng cấp một số phần mềm đặc thù trong các cơ quan Đảng

- Tiếp nhận, cài đặt, tập huấn, triển khai sử dụng các phần mềm chuyên ngành do các cơ quan Trung ương chuyển giao, như: Hệ thống thông tin ngành Tuyên giáo và Dân vận; Hệ thống thông tin ngành Nội chính; Hệ thống thông tin ngành Kiểm tra Đảng; Phần mềm quản lý tài sản trong hệ thống cơ quan Đảng; Hệ thống thông tin tổng hợp hỗ trợ công tác tham mưu, tổng hợp, giúp việc trong điều hành công việc lãnh đạo của Đảng.

- Tiếp nhận các Hệ thống sơ sở dữ liệu do Trung ương chuyển giao như: Phần mềm quản lý, cập nhật, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế và hồ sơ Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị trên cơ sở thiết lập hạ tầng CNTT, kết nối với cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan hành chính và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo hướng hiện đại, nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

- Lựa chọn các phần mềm đặc thù phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của xã để đưa vào sử dụng, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và có thể tích hợp, trao đổi thông tin, số liệu từ Đảng ủy xã đến Tỉnh ủy thông qua trực tích hợp dữ liệu của Đảng.

- Nâng cấp các hệ thống phần mềm hiện đang được sử dụng hiệu quả, rộng rãi tại các cơ quan Đảng, triển khai Hệ thống thông tin phục vụ công tác nghiệp vụ có tính chất đặc thù của tỉnh Thanh Hóa và thực hiện việc liên thông, đồng bộ từ Tỉnh ủy đến xã, thông qua mạng số liệu chuyên dùng.

7. Chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Tiếp nhận, triển khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, có khả năng kết nối với các cơ sở dữ liệu của xã với cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin của các đơn vị có liên quan như: Cơ sở dữ liệu từ Trung ương đến địa phương về: Tình hình nhân dân; các phong trào, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; công tác giám sát; công tác phản biện xã hội; Cơ sở dữ liệu về người uy tín, tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; chức sắc tôn giáo; cốt cán tôn giáo phong trào. Số hoá các công việc nội bộ, số hoá tài liệu lưu trữ lĩnh vực chuyên môn, tài liệu lưu trữ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

8. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt cho các hệ thống thông tin; Bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin đối với phần mềm nội bộ khi mở rộng, nâng cấp.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, công cụ bảo mật, dịch vụ hệ thống, để bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trên môi trường số. Xây dựng, phát triển, nâng cấp, bổ sung các công nghệ, giải pháp giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng thông tin của các cơ quan Đảng với công nghệ hiện

đại, có tính kế thừa, linh hoạt mở rộng, bảo đảm hiệu quả việc giám sát, phát hiện, cảnh báo sớm và ngăn chặn những hành vi bất thường, nguy cơ tấn công đánh cắp dữ liệu; kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng của huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan. Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để triển khai các giải pháp ứng cứu, xử lý sự cố an ninh mạng.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực của Tỉnh uỷ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước; sử dụng thiết bị lưu trữ bảo mật, các giải pháp mã hoá và bảo vệ quyền truy cập, bảo đảm an toàn việc trao đổi thông tin, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường số. Tăng cường năng lực phòng thủ và phục hồi sau sự cố an ninh mạng

9. Chuyển đổi số ở cấp ủy cấp cơ sở theo mô hình tổ chức mới (2 cấp)

Tổ chức vận hành công việc, yêu cầu triển khai ngay việc xây dựng nhiệm vụ chuyển đổi số cho năm 2025; tiến hành đánh giá, rà soát, trên cơ sở đề xuất trang bị của các đơn vị, tiến hành mua sắm đủ thiết bị đầu cuối về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức đảm bảo theo quy định.

10. Phát triển nguồn nhân lực

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy, bổ sung nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan Đảng đáp ứng yêu cầu tham mưu, tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Sắp xếp, tuyển dụng, bổ sung kịp thời cán bộ đủ về số lượng, đáp ứng trình độ, chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong cơ quan Đảng.

- Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu về dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn thông tin, điện toán đám mây cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và cán bộ lãnh đạo, chuyên viên theo lộ trình từng năm (2025 - 2028).

11. Giải pháp về tài chính

Thực hiện phân bổ ngân sách đầy đủ, kịp thời và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này, bảo đảm tiến độ, chất lượng. Ngân sách xã theo phân cấp đảm bảo kinh phí cho việc đầu tư, mua sắm để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan.

- Bảo đảm kinh phí vận hành, khai thác hạ tầng, ứng dụng được bố trí từ ngân sách nhà nước gồm chi phí nâng cấp, bảo trì, bảo hành, gia hạn bản quyền phần mềm, chi phí quản lý, vận hành...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tham mưu, giúp Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo công tác chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp, kiểm tra, giám sát các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chỉ đạo sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; phê bình, yêu cầu xử lý theo quy định đối với tập thể, cá nhân có vi phạm, khuyết điểm trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

2. Văn phòng Đảng ủy

- Là cơ quan Thường trực, chủ trì phối hợp với các ban, ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các cấp ủy, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số kết quả triển khai thực hiện; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế.

- Là đầu mối tiếp nhận, triển khai các phần mềm ứng dụng do Tỉnh ủy chuyển giao; phối hợp kiểm tra an ninh, an toàn thiết bị công nghệ thông tin trước khi đưa vào khai thác, sử dụng.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho các cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an ninh mạng, công tác bảo vệ bí mật Nhà nước tại các cơ quan Đảng, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan Đảng trực thuộc.

Bảo đảm hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng thông suốt, hệ thống trang thiết bị, phần mềm ứng dụng an toàn, an ninh thông tin; hỗ trợ kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia với trực tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan Đảng và khai thác cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia do các cơ quan nhà nước chủ trì triển khai; kiểm tra các trang thiết bị CNTT trước khi đưa vào sử dụng tại các cơ quan Đảng theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã

- Hằng năm phối hợp với Văn phòng Đảng ủy tổng hợp các nội dung thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng để tích hợp vào kế hoạch chung của thị trấn, đảm bảo thống nhất, đồng bộ; thực hiện tích hợp dữ liệu của các cơ

quan Đảng để thống nhất đầu mối quản lý, thuận lợi cho khai thác, chia sẻ dữ liệu; tổ chức triển khai đào tạo, tập huấn kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tham mưu thẩm định dự toán, bố trí kinh phí hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện theo quy định.

4. Các Ban của Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy

- Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch, xây dựng, triển khai kế hoạch có liên quan đến công tác chuyển đổi số và triển khai số hóa của đơn vị mình, bảo đảm hiệu quả thiết thực.

- Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy trong việc triển khai hiệu quả các phần mềm, ứng dụng chuyên ngành theo nội dung và tiến độ thời gian Kế hoạch đề ra. Tập trung số hoá hồ sơ, giấy tờ, tài liệu của đơn vị mình phục vụ việc triển khai công việc trên môi trường số. Người đứng đầu cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác: Chuyển đổi số trong cơ quan; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ Đảng và cán bộ, công chức về nhu cầu cấp thiết của chuyển đổi số trong cơ quan Đảng.

- Ban xây dựng Đảng chủ trì tham mưu, chỉ đạo, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, thay đổi nhận thức của cán bộ, Đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp uỷ các cấp về sự cần thiết, tính cấp thiết và vai trò của chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan Đảng trên địa bàn.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai Kế hoạch này; bảo đảm nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan.

- Tiếp nhận và sử dụng các phần mềm đặc thù có liên quan đến ngành, lĩnh vực của đơn vị, tổ chức kết nối, chia sẻ, cập nhật, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan Đảng cung cấp. Tập trung số hoá hồ sơ, giấy tờ, tài liệu của đơn vị phục vụ việc triển khai công việc trên môi trường số.

- Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy trong việc triển khai hiệu quả các phần mềm, ứng dụng chuyên ngành theo nội dung và tiến độ thời gian Kế hoạch đề ra.

6. Các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc

Đối với các Đảng bộ, chi bộ cơ quan: Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các nội dung được giao tại Kế hoạch này; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện, thực chất, nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện

nhiệm vụ nhất. Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy về kết quả triển khai công tác chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực phụ trách; chỉ đạo kiện toàn bộ máy, đội ngũ cán bộ có đủ kỹ năng, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số.

Nơi nhận:

- VP Tỉnh uỷ, Các Ban của Tỉnh uỷ (B/c);
- HĐND, UBND, UBMTTQ xã;
- Các phòng, ban, ngành Đoàn thể;
- Các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc;
- Lưu VPĐU.

T/M ĐẢNG ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Vũ Đình Quyết